

Số : 13

Ngày 10/4/2017

Bản tin hàng tuần
Ra ngày thứ hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

1. Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khai thác cảng biển khi đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.
2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội Vụ.
3. Mức vốn cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước tối đa bằng 70% tổng mức vốn đầu tư của dự án.
4. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
5. Chính phủ Liên bang Nga hỗ trợ sản xuất phương tiện vận tải có động cơ tại Việt Nam.
6. Công báo điện tử được khai thác miễn phí.
7. Nhà đầu tư chứng khoán phải sinh được mở tài khoản giao dịch tổng mà không cần mở tài khoản ký quỹ riêng biệt.

CÓ THỂ BẠN CHƯA BIẾT

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cơ quan đại diện nước CHXHCN Việt Nam ở nước ngoài.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Những thông tin công dân được tiếp cận và được tiếp cận có điều kiện?
2. Công dân được tiếp cận thông tin bằng cách thức nào? Chi phí tiếp cận thông tin được quy định như thế nào?
3. Việc công khai thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng được quy định như thế nào ?
4. Trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin?

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. DOANH NGHIỆP CHỈ ĐƯỢC KINH DOANH KHAI THÁC CẢNG BIỂN KHI CÓ GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển quy định: doanh nghiệp cảng chỉ được kinh doanh khai thác cảng biển khi đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển và chỉ được kinh doanh khai thác cảng biển theo đúng mục đích, công năng của cảng biển đã được công bố; phải duy trì đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật trong thời gian kinh doanh khai thác cảng biển.

Để được kinh doanh khai thác cảng biển, ngoài các điều kiện về thành lập doanh nghiệp theo quy định, doanh nghiệp cảng còn phải đáp ứng các điều kiện về tổ chức bộ máy và nhân lực; cơ sở vật chất, trang thiết bị; an toàn, vệ sinh lao động, phòng, chống cháy, nổ; bảo vệ môi trường...Cụ thể: người phụ trách quản lý hoạt động kinh doanh khai thác cảng biển phải tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành hàng hải, kinh tế hoặc thương mại và có kinh nghiệm kinh doanh, khai thác cảng biển 05 năm trở lên; doanh nghiệp phải có đủ kho, bãi, trang thiết bị cần thiết; trường hợp không có đủ kho, bãi, doanh nghiệp phải có hợp đồng thuê kho, bãi với thời hạn tối thiểu 05 năm, trừ khi chỉ kinh doanh khai thác bến phao, khu neo đậu, khu chuyên tải, cảng dầu khí ngoài

trời...Riêng đối với doanh nghiệp cảng là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, khi tham gia kinh doanh dịch vụ bốc dỡ hàng hóa thì chỉ được thành lập công ty liên doanh, trong đó có tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài theo biểu cam kết của Việt Nam khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2017. Các doanh nghiệp cảng đang hoạt động kinh doanh khai thác cảng biển từ trước 01/7/2017 vẫn được tiếp tục kinh doanh, nhưng phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Nghị định này từ ngày 01/7/2020.

2. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BỘ NỘI VỤ

Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ban ngày 3/4/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội Vụ (Bộ).

Bộ là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực: Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; đào tạo, bồi dưỡng về chuyên ngành hành chính và quản lý nhà nước; hội, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; tôn giáo; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên và quản lý nhà nước đối với các dịch vụ

công thuộc lĩnh vực quản lý của bộ theo quy định của pháp luật.

Cơ cấu tổ chức của Bộ gồm 22 đơn vị (18 đơn vị hành chính, 04 đơn vị sự nghiệp). Bộ có chức năng, nhiệm vụ: Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Thi đua- Khen thưởng Trung ương, Ban Tôn giáo Chính phủ, Học viện Hành chính Quốc gia và quyết định ban hành danh sách các đơn vị sự nghiệp khác hiện có thuộc bộ; tham mưu giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thực hiện việc chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các cấp thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp; kiểm tra, đôn đốc UBND các cấp thực hiện các quy định của pháp luật về bầu cử, các văn bản hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia và của các cơ quan trung ương, định kỳ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo tiến độ thực hiện công tác bầu cử; quản lý biên chế, tinh giản biên chế, thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung biên chế công chức của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập và UBND tỉnh trong phạm vi biên chế công chức dự phòng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hàng năm; giao biên chế công chức đối với từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ và các tỉnh, thành phố trực

Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

thuộc trung ương sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quản lý, bổ sung biên chế công chức đối với từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập; kiểm tra tổng hợp, thống kê biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, tinh giản biên chế của các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trong phạm vi cả nước báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và cơ quan có thẩm quyền...

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 3/4/2017 và thay thế Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014.

3. MỨC VỐN CHO VAY TÍN DỤNG ĐẦU TƯ CỦA NHÀ NƯỚC TỐI ĐA BẰNG 70% TỔNG MỨC VỐN ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN

Đây là một trong những nội dung được quy định tại Nghị định số 32/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/3/2017 quy định: mức vốn cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước với mỗi dự án tối đa bằng 70% tổng mức vốn đầu tư của dự án (không bao gồm vốn lưu động).

Theo đó, thời gian cho vay được xác định theo khả năng thu hồi vốn của dự án và khả năng trả nợ của khách hàng phù hợp với đặc điểm sản xuất, kinh doanh của dự án nhưng không quá 12 năm. Riêng các dự án thuộc nhóm A, thời hạn cho vay tối đa là 15 năm. Lãi suất cho vay tín dụng

đầu tư của Nhà nước bằng mức lãi suất bình quân gia quyền của các mức lãi suất trúng thầu trái phiếu Ngân hàng Phát triển Việt Nam được Chính phủ bảo lãnh kỳ hạn 5 năm trong thời hạn một năm trước thời điểm công bố lãi suất theo quy định tại Nghị định cộng với tỷ lệ chi phí quản lý hoạt động và dự phòng rủi ro của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Đối tượng vay tín dụng đầu tư của Nhà nước là khách hàng có dự án đầu tư thuộc Danh mục các dự án được vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước. Trường hợp các dự án nêu trên đã được hưởng tín dụng ưu đãi từ các tổ chức tài chính nhà nước khác thì không được vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định tại Nghị định này.

Để được vay tín dụng đầu tư Nhà nước, khách hàng phải đáp ứng các điều kiện: Thuộc đối tượng cho vay; có đầy đủ năng lực pháp luật; dự án đầu tư xin vay vốn phải được Ngân hàng Phát triển Việt Nam thẩm định, đánh giá là dự án có hiệu quả, có khả năng trả được nợ vay; có vốn chủ sở hữu tham gia trong quá trình thực hiện dự án tối thiểu 20% tổng vốn đầu tư dự án (mức cụ thể do Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét, quyết định phù hợp với khả năng tài chính của chủ đầu tư và phương án trả nợ của dự án, trừ trường hợp các dự án đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định); thực hiện bảo đảm tiền vay theo các quy định tại Nghị định này; khách hàng không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng tại thời điểm Ngân hàng Phát

triển Việt Nam xem xét cho vay, giải ngân vốn vay; mua bảo hiểm tài sản tại một doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đối với tài sản bảo đảm tiền vay...

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2017.

4. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Ngày 04/4/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 36/2017/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ) là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực Đất đai; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo; viễn thám; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

Cơ cấu tổ chức của Bộ gồm 23 đơn vị (18 đơn vị hành chính và 05 đơn vị sự nghiệp). Bộ có chức năng, nhiệm vụ: Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, chiến lược quy hoạch, chương trình, đề án, dự án về quản lý, sử dụng đất sau khi cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng nguyên tắc, phương pháp xác định giá đất trình Chính phủ ban hành hoặc đề

trình cơ quan có thẩm quyền ban hành; hướng dẫn việc xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất và định giá đất cụ thể theo quy định của pháp luật về đất đai; lập bản đồ giá đất; xây dựng, tổng hợp, cung cấp dữ liệu, thông tin về khung giá đất, bảng giá đất và giá đất cụ thể; phát hành và quản lý việc sử dụng phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; chỉ đạo, hướng dẫn việc giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật; khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, làng nghề theo quy định của pháp luật; hướng dẫn bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện việc quản lý chất lượng môi trường nước, đất, không khí, lưu vực sông, biển đảo, khu đô thị, nông thôn, khu dân cư, khu vực công cộng theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện công tác đăng ký xác nhận, cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận, giấy chứng chỉ hành nghề về môi trường theo quy định của pháp luật...

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04/4/2017 và thay thế Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04/3/2013.

5. CHÍNH PHỦ LIÊN BANG NGA HỖ TRỢ SẢN XUẤT PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI CÓ ĐỘNG CƠ TẠI VIỆT NAM

Ngày 31/3/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 08/2017/QĐ-TTg về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định thư giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga về hỗ trợ sản xuất phương tiện vận tải có động cơ trên lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, các phương tiện vận tải có động cơ do liên doanh sản xuất để sử dụng trên lãnh thổ CHXHCN Việt Nam phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật Việt Nam. Mỗi doanh nghiệp được ủy quyền của Nga chỉ được phép thành lập một liên doanh tại Việt Nam và hoạt động trong thời gian từ 10 năm đến 30 năm, không được chuyển nhượng vốn cho bất cứ bên thứ ba của một nước thứ ba nào và phải đáp ứng tỷ lệ nội địa hóa theo quy định, cụ thể: Năm 2020, tỷ lệ nội địa hóa là 25% đối với ô tô chuyên dụng, 30% đối với ô tô tải và ô tô thể thao đa dụng (SUV) của hãng “UAZ” và 35% đối với ô tô chở từ 10 người trở lên bao gồm cả lái xe. Năm 2025 tỷ lệ nội địa hóa vào là 40% đối với ô tô chuyên dụng và ô tô thể thao đa dụng (SUV) của hãng “UAZ”, 45% đối với ô tô tải và 50% đối với ô tô chở từ 10 người trở lên bao gồm cả lái xe.

Sau khi Nghị định thư có hiệu lực, theo định kỳ 5 năm, Bộ Công Thương phối hợp với các bộ, ngành

hữu quan xem xét đánh giá việc thực hiện cam kết về tỷ lệ nội địa hóa của từng liên doanh và cân nhắc đề xuất việc thu hồi giấy phép của liên doanh nếu sau 10 năm liên doanh không đạt

được tỷ lệ nội địa hóa theo cam kết đã quy định.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2017.

VĂN BẢN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

6. CÔNG BÁO ĐIỆN TỬ ĐƯỢC KHAI THÁC MIỄN PHÍ

Đây là nội dung được Văn phòng Chính phủ quy định tại Thông tư số 01/2017/TT-VPCP ngày 31/3/2017 hướng dẫn thực hiện quy định về Công báo tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Công báo điện tử nước CHXHCN Việt Nam được đăng trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Công báo điện tử cấp tỉnh được đăng trên Cổng/Trang Thông tin điện tử của UBND cấp tỉnh. Văn phòng Chính phủ giữ bản quyền đối với Công báo điện tử nước CHXHCN Việt Nam; Văn phòng UBND cấp tỉnh giữ bản quyền đối với Công báo điện tử cấp tỉnh. Công báo điện tử được khai thác miễn phí.

Cơ quan ban hành văn bản có trách nhiệm gửi bản chính văn bản đăng Công báo cùng bản điện tử có nội dung chính xác với bản chính. Tại phần “Nơi nhận” của văn bản phải có tên “Công báo”. Ở phần trên trang đầu của văn bản phải ghi dòng chữ “Văn

bản gửi đăng Công báo”. Phong chữ của bản điện tử là phong chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001, trên định dạng có khả năng chỉnh sửa, biên tập được. Đối với văn bản Điều ước quốc tế đăng Công báo, Bộ Ngoại giao có trách nhiệm gửi Văn phòng Chính phủ kèm bản điện tử là bản Scan từ bản chính của Điều ước quốc tế hai bên, bản sao của Điều ước quốc tế nhiều bên có chứng thực do cơ quan lưu chiều chuyển cho Việt Nam.

Các văn bản được đăng Công báo theo thứ tự thời gian nhận văn bản, văn bản đến trước đăng trước và độ khẩn của văn bản. Trong ấn phẩm Công báo, văn bản được sắp xếp theo ba phần: Văn bản quy phạm pháp luật, văn bản pháp luật khác, Điều ước quốc tế (nếu có); văn bản xếp theo thứ bậc cơ quan ban hành, theo giá trị pháp lý từ cao xuống thấp và số văn bản theo thứ tự tăng dần; nếu cơ quan ban hành cùng cấp được sắp xếp theo bảng chữ cái a, b, c hoặc chữ số từ nhỏ đến lớn. Một văn bản được đăng trên cùng một ấn phẩm Công báo, đối với văn bản dài phải được đăng trên các ấn phẩm Công báo liên nhau liên tiếp.

Trong quá trình tiếp nhận văn bản, nếu phát hiện văn bản có sai sót, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng UBND cấp tỉnh phải thông báo ngay cho cơ quan ban hành văn bản biết để kịp thời xử lý và cơ quan ban hành văn bản phải gửi ngay bản chính thức trong ngày để bảo đảm việc đăng Công báo đúng thời hạn quy định.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2

7. NHÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH ĐƯỢC MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH TỔNG MÀ KHÔNG CẦN MỞ TÀI KHOẢN KÝ QUỸ RIÊNG BIỆT

Ngày 16/3/2017, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 23/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2016/TT-BTC ngày 19/01/2016 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05/05/2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.

Theo đó, nhà đầu tư được mở tài khoản giao dịch tổng trong các trường hợp: Công ty quản lý quỹ được mở một tài khoản giao dịch tổng cho nhà đầu tư ủy thác trong nước và 01 tài khoản giao dịch tổng cho nhà đầu tư ủy thác nước ngoài; Công ty chứng khoán thành lập ở nước ngoài được mở 01 tài khoản giao dịch tổng để thực hiện hoạt động môi giới chứng

khoán phái sinh cho các nhà đầu tư nước ngoài; các trường hợp khác theo hướng dẫn của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Thành viên bù trừ mở tài khoản tiền gửi ký quỹ cho nhà đầu tư đứng tên thành viên bù trừ theo quy định và có trách nhiệm quản lý tách biệt tiền gửi ký quỹ tới từng nhà đầu tư. Tiền gửi ký quỹ này thuộc sở hữu của nhà đầu tư, không thuộc sở hữu của thành viên bù trừ.

Để đảm bảo điều kiện hoạt động giao dịch, nhà đầu tư phải đảm bảo vị thế trên tài khoản giao dịch trong giới hạn vị thế theo quy chế của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Trường hợp vượt giới hạn vị thế, nhà đầu tư phải thực hiện các giao dịch đối ứng để giảm vị thế, bổ sung ký quỹ trong thời hạn theo quy chế của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Sau thời hạn này, nhà đầu tư không hoàn tất việc giảm vị thế thì thành viên bù trừ được thực hiện lệnh giao dịch đối ứng để đóng một phần hoặc toàn bộ vị thế của nhà đầu tư. Trường hợp thành viên bù trừ không thực hiện giao dịch đối ứng để đóng vị thế của nhà đầu tư, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam được thực hiện lệnh giao dịch đối ứng để đóng một phần hoặc toàn bộ vị thế của nhà đầu tư đứng tên thành viên bù trừ.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/5/2017.

DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cơ quan đại diện nước CHXHCN Việt Nam ở nước ngoài đang được Công thông tin điện tử Chính phủ tổ chức lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, nhân dân trong và ngoài nước với các nội dung được sửa đổi, bổ sung sau:

- Về tiêu chuẩn thành viên cơ quan đại diện: là cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật, đáp ứng quy định của Bộ Ngoại giao; có trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ và kinh nghiệm phù hợp với yêu cầu công tác. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định chi tiết khoản này (không áp dụng đối với nhân viên hợp đồng đã được quy định).

- Về tiêu chuẩn của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền: phải đáp ứng các tiêu chuẩn của thành viên cơ quan đại diện và phải nắm vững, có khả năng chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đề xuất, kiến nghị chủ trương, đường lối, chính sách đối ngoại của Việt Nam; có kinh nghiệm quản lý, công tác trên lĩnh vực đối ngoại; sử dụng thông thạo ít nhất một ngoại ngữ phù hợp; trong độ tuổi đủ để hoàn thành ít nhất một nhiệm kỳ công tác (03 năm theo quy định). Trường hợp đặc biệt, căn cứ yêu cầu đối ngoại và năng lực cá nhân, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Về chế độ dành cho thành viên cơ quan đại diện và vợ hoặc chồng thành viên cơ quan đại diện: thành viên cơ quan đại diện, vợ hoặc chồng được cử đi công tác nhiệm kỳ cùng với thành viên cơ quan đại diện trong thời gian công tác tại cơ quan đại diện được hưởng: chế độ lương, phụ cấp, trợ cấp; chế độ nhà ở; chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và chế độ nghỉ hàng năm theo quy định của pháp luật; trợ cấp trong trường hợp bị thương hoặc chết; trợ cấp và chế độ ưu đãi trong trường hợp công tác tại khu vực đang xảy ra xung đột vũ trang, thảm họa do thiên tai, dịch bệnh hoặc trong điều kiện công tác đặc biệt khó khăn; hỗ trợ một lần tiền vé máy bay khứ hồi về Việt Nam trong trường hợp nghỉ phép trong thời gian nhiệm kỳ; hỗ trợ tiền vé máy bay khứ hồi về Việt Nam trong trường hợp bố (mẹ) đẻ, bố (mẹ) của vợ hoặc chồng; vợ (chồng) chết; con chết. Đối với con dưới 18 tuổi đi theo thành viên cơ quan đại diện được hưởng: hỗ trợ tiền mua bảo hiểm y tế tại nước sở tại và hỗ trợ học phí tại nước sở tại. Đối với nữ thành viên cơ quan đại diện hoặc vợ của thành viên cơ quan đại diện được cử đi công tác nhiệm kỳ cùng với thành viên cơ quan đại diện, khi sinh con được hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật. Thời gian nghỉ sinh con của nữ thành viên cơ quan đại diện được tính vào nhiệm kỳ công tác.

- Về phối hợp công tác giữa đoàn được cử đi công tác nước ngoài và cơ quan đại diện: đoàn được cử đi công tác nước ngoài thông báo kịp thời cho cơ quan đại diện về nội dung, chương trình hoạt động tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận để phối hợp công tác và thông báo kết quả hoạt động cho cơ quan đại diện sau khi kết thúc đợt công tác. Cơ quan đại diện định kỳ gửi báo cáo tổng hợp về hoạt động của các đoàn về các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Về việc triển khai thực hiện cơ chế Đại sứ đặt tại Việt Nam: trường hợp có yêu cầu đối ngoại nhưng không thành lập cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cử người đứng đầu cơ quan đại diện tại quốc gia

khác kiêm nhiệm, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao bổ nhiệm hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm Đại sứ đặt tại Việt Nam theo quy định. Tiêu chuẩn Đại sứ đặt tại Việt Nam thực hiện theo quy định về tiêu chuẩn thành viên cơ quan đại diện. Đại sứ đặt tại Việt Nam có trách nhiệm xây dựng, tổ chức thực hiện, sơ kết, tổng kết và báo cáo cơ quan có thẩm quyền về việc tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động đối ngoại giữa Việt Nam và quốc gia tiếp nhận. Đại sứ đặt tại Việt Nam làm việc theo cơ chế kiêm nhiệm và hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Dự kiến dự thảo Luật này sẽ trình Quốc hội vào Quý II/2017.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Những thông tin công dân được tiếp cận và được tiếp cận có điều kiện?

***Trả lời:** Điều 5 và Điều 7 Luật tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 ngày 6/4/2016 quy định những thông tin công dân được tiếp cận và được tiếp cận có điều kiện như sau:

Công dân được tiếp cận thông tin của cơ quan nhà nước, trừ thông tin không được tiếp cận quy định tại Điều 6 của Luật này; được tiếp cận có điều kiện đối với thông tin quy định tại Điều 7 của Luật này.

1. Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh được tiếp cận trong trường hợp chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó đồng ý.

2. Thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân được tiếp cận trong trường hợp người đó đồng ý; thông tin liên quan đến bí mật gia đình được tiếp cận trong trường hợp được các thành viên gia đình đồng ý.

3. Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người đứng đầu cơ quan nhà nước quyết định việc cung cấp thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan mà không cần có sự đồng ý theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

2. Hỏi: Công dân được tiếp cận thông tin bằng cách thức nào? Chi phí tiếp cận thông tin được quy định như thế nào?

***Trả lời:** Cách thức tiếp cận thông tin của công dân được quy định tại Điều 10 Luật tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 ngày 6/4/2016 như sau:

1. Tự do tiếp cận thông tin được cơ quan nhà nước công khai;

2. Yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin.

Tại điều 12 của Luật này, chi phí tiếp cận thông tin của công dân gồm:

1. Công dân được cung cấp thông tin không phải trả phí, lệ phí, trừ trường hợp luật khác có quy định.

2. Người yêu cầu cung cấp thông tin phải trả chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin.

Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản này.

3. Hỏi: Việc công khai thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng được quy định như thế nào ?

***Trả lời:** Điều 20 Luật tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 ngày 6/4/2016 quy định việc công khai thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng như sau:

1. Cơ quan nhà nước cung cấp thông tin có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời cho cơ quan thông tin đại chúng những thông tin theo quy định của pháp luật phải được công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

2. Việc đăng, phát thông tin trên báo chí thực hiện theo quy định của pháp luật về báo chí. Khi đăng, phát thông tin, cơ quan thông tin đại chúng phải bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của thông tin.

4. Hỏi: Trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin?

***Trả lời:** Điều 35 Luật tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 ngày 6/4/2016 quy định vấn đề này như sau:

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật về tiếp cận thông tin;

b) Quy định biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin;

c) Thực hiện các biện pháp phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức về quyền và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức và công dân trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin;

d) Hướng dẫn cơ quan, tổ chức, đơn vị, công dân trong việc thực hành quyền tiếp cận thông tin;

đ) Thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật, xử lý vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin

e) Hướng dẫn kỹ thuật về biện pháp, quy trình bảo quản thông tin và hệ thống quản lý thông tin;

g) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quy định tại các điểm a,c,d,đ và g khoản 1 Điều này.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông giúp Chính phủ thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm e khoản 1 Điều này.

4. Bộ Tư pháp giúp Chính phủ theo dõi chung việc thi hành Luật này.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý nhà nước trên địa bàn, thi hành các biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng dẫn của Chính phủ.

6. Cơ quan nhà nước căn cứ vào điều kiện thực tế của mình, tạo điều kiện cho người yêu cầu trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu tại trụ sở; trang bị bảng thông tin hoặc thiết bị khác để công khai thông tin./.